TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**08/**2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 6 – 2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phước
2. Bà Vũ Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST- HNGĐ và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12/6/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Huỳnh Lương G, sinh năm: 1979
Địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: ông Phạm Việt H, sinh năm: 1968
Địa chỉ: khu phố B, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Lương G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Phạm Việt H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P (nay là phường L), thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/8/2002. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ và yêu thương nhau, vợ chồng đã sống ly

thân hơn 07 năm. Bà G nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông H ly hôn.

Về con chung: Bà G và ông H có ba người con chung họ tên: Phạm Huỳnh Hy N, sinh năm 2003; Phạm Huỳnh Bảo T, sinh ngày 23/5/2010 và Phạm Việt K, sinh ngày 28/6/2012, khi ly hôn bà G có nguyện vọng nuôi con chung là cháu T và cháu K. Riêng cháu N đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên cha mẹ không phải nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà G không yêu cầu.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Việt H trình bày:

Ông và bà G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P (nay là phường L), thị xã P, tỉnh Bình Phước, vào ngày 29/8/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông thừa nhận nguyên nhân do ông chưa thực sự quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã có thời gian ly thân khoảng 07 năm nay. Tuy nhiên ông H không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con, không muốn con bị ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý.

Về con chung: ông thống nhất vợ chồng có ba người con chung là cháu Phạm Huỳnh Hy N, sinh năm 2003; Phạm Huỳnh Bảo T, sinh ngày 23/5/2010 và cháu Phạm Việt K, sinh ngày 28/6/2012. Khi ly hôn ông tôn trọng sự lựa chọn của các con, ông không có tranh chấp. Bà G yêu cầu được nuôi và các con đồng ý ở với mẹ thì ông chấp nhận.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do hay sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Phạm Việt H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Lương G và ông Phạm Việt H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P (nay là phường L), thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/8/2002. Do vậy, hôn nhân giữa bà G và ông H là hợp pháp.

Bà G và ông H đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc ông H không có sự quan tâm, thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông H đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà G có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho bà G được ly hôn với ông H uy.

[2.2] Về con chung: bà G và ông H có ba người con chung họ tên Phạm Huỳnh Hy N, sinh năm 2003; Phạm Huỳnh Bảo T, sinh ngày 23/5/2010 và cháu Phạm Việt K, sinh ngày 28/6/2012. Cháu Phạm Huỳnh Hy N đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên cha mẹ không phải nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà G có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Phạm Huỳnh Bảo T và cháu Phạm Việt K. Hội đồng xét xử xét thấy bà G có thu nhập ổn định (Dạy Yoga), có nơi ở ổn định và hiện tại hai cháu T và K đang theo học tại các trường gần nơi ở. Trong khoảng thời gian vợ chồng bà G và ông H sống ly thân các con sống cùng bà G được phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần được đi học đầy đủ nên việc giao cháu Phạm Huỳnh Bảo T và cháu Phạm Việt K cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và việc giao cháu T và cháu K cho bà G nuôi dưỡng cũng phù hợp nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà G và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Lương G được ly hôn với ông Phạm Việt H.

2.Về con chung: Giao con chung tên Phạm Huỳnh Bảo T, sinh ngày 23/5/2010 và Phạm Việt K, sinh ngày 28/6/2012 cho bà Huỳnh Lương G được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu T và K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: bà Huỳnh Lương G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu số 0003064 ngày 24/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Phạm Việt H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường Long Phước, tx Phước Long, BP (số 03, Quyển số 01, ngày 29/8/2002);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tịnh